|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ  ............................  **SỞ TƯ PHÁP**  Số: /STP-XNĐK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *..........., ngày...... tháng..... năm.....* |
| V/v xác nhận trẻ em đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài |  |

Kính gửi: Cục Con nuôi - Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Nuôi con nuôi, Điều 16 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ, Sở Tư pháp đã kiểm tra, xác minh hồ sơ, lấy ý kiến của những người liên quan theo quy định tại Điều 21 Luật Nuôi con nuôi. Căn cứ các quy định về độ tuổi, đối tượng được nhận làm con nuôi, Sở Tư pháp xác nhận người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên: Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Quốc tịch:

Nơi cư trú1[[1]](#footnote-1):

Thuộc đối tượng2[[2]](#footnote-2):............................. có độ tuổi phù hợp theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi. Nguồn gốc của trẻ em đã được xác định rõ ràng3[[3]](#footnote-3). Những người liên quan4[[4]](#footnote-4) đã có ý kiến đồng ý và không thay đổi ý kiến về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài. Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng đã thể hiện ý kiến đồng ý cho trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng làm con nuôi.

Đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài theo diện5:[[5]](#footnote-5):

Văn bản này được gửi kèm theo văn bản xác minh của cơ quan Công an cấp tỉnh đối với trường hợp trẻ em bị bỏ rơi; văn bản lấy ý kiến về việc đồng ý cho trẻ em làm con nuôi của cha, mẹ đẻ/người giám hộ/ý kiến đồng ý của trẻ em từ đủ 09 tuổi trở lên về việc làm con nuôi; văn bản thể hiện ý kiến đồng ý của Giám đốc cơ sở nuôi dưỡng về việc cho trẻ em làm con nuôi đối với trường hợp trẻ em đang sống tại cơ sở nuôi dưỡng.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Sở LĐ-TBXH (để theo dõi);  - Cơ sở nuôi dưỡng (để phối hợp);  - Lưu: VT.... | **NGƯỜI KÝ**  *(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ và đóng dấu)* |

1. 1 Ghi theo nơi đăng ký thường trú. Nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi đang sinh sống. Nếu trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng thì ghi tên và địa chỉ trụ sở của cơ sở nuôi dưỡng. [↑](#footnote-ref-1)
2. 2 Thuộc diện con riêng/cháu ruột/trẻ em bị bỏ rơi/trẻ em mồ côi cả cha và mẹ hoặc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác. [↑](#footnote-ref-2)
3. 3 Đối với trẻ em bị bỏ rơi, ghi rõ nội dung kết luận xác minh nguồn gốc của cơ quan Công an cấp tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. 4 Ghi rõ cha, mẹ đẻ, người giám hộ. [↑](#footnote-ref-4)
5. 5 Đích danh theo khoản 2 Điều 28 Luật Nuôi con nuôi, khoản 1 Điều 3 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP hoặc theo thủ tục giới thiệu trẻ em theo Điều 36 Luật Nuôi con nuôi. [↑](#footnote-ref-5)